

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày 25-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Quốc Sử.

Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1).

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, số A P, phường S, (cũ phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Võ Văn T. Chức vụ: Giám đốc THN Trực tiếp và XLN Vùng ĐBSCL. SĐT 0902.653.575

Địa chỉ liên lạc: Số A - 02 khu A, TTTM Phức hợp Cần Thơ C, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền ông Từ Đức V. Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Theo Giấy ủy quyền số 138879.25 ngày 26/5/2025.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B V, khóm Đ, phường L (cũ phường M, thành phố L), tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Phương H là bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1977. Theo Giấy ủy quyền ngày 21/4/2025 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số I P, phường L (cũ phường M, thành phố L), tỉnh An Giang.

+ Ông Huỳnh Thanh T2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số G H, khóm Đ, phường L (cũ phường M, thành phố L), tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số I P, phường L (cũ phường M, thành phố L), tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1) trình bày:

1. Hợp đồng tín dụng số: 8013116.22

Ngày 25/5/2022, bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 có ký với Ngân hàng TMCP Q (V1) – Chi nhánh A Hợp đồng tín dụng số: 8013116.22. Theo đó, V1 cho bà H, ông T2 vay số tiền là 2.100.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: bù đắp vốn tự có đã nhận chuyển nhượng BĐS thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 06, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Ngày 31/5/2022, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8013116.22, V1 đã giải ngân cho bà H, ông T2 số tiền là 1.600.000.000 đồng; thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 31/5/2042; lãi suất vay: 9,9%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,7%/năm; trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 01, kỳ trả đầu tiên 01/07/2022, số tiền trả mỗi kỳ là 6.670.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; trả nợ lãi: vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 01/7/2022; ngày trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

- Ngày 13/6/2022, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8013116(1).22, V1 đã giải ngân cho bà H, ông T2 số tiền là 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 31/5/2042; lãi suất vay: 10,1%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,9%/năm; trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 01, kỳ trả đầu tiên 01/07/2022, số tiền trả mỗi kỳ là 2.080.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; trả nợ lãi: vào

ngày 01 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 01/7/2022; ngày trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

2. Khoản vay Thẻ tín dụng số: 526887*****4299

Theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 14/6/2022, VIB cấp Thẻ tín dụng cho bà H số 526887*****4299 với hạn mức 200.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

*** Tài sản thế chấp:** Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9371467.22.621 ngày 27/5/2022. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 219, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 225933, số vào sổ cấp GCN: CS13521 do Sở T6 cấp ngày 20/03/2019, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Phương H ngày 24/05/2022. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 6335, Quyền số: 11/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh An Giang công chứng ngày 27/05/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông T2 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 19/11/2024, bà H, ông T2 chỉ trả được số tiền 375.535.145 đồng (trong đó: 122.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 253.035.145 đồng). Mặc dù V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng bà H, ông T2 vẫn không trả nợ, khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 05/9/2023.

Tính đến ngày 25/8/2025, bà H, ông T2 còn nợ VIB số tiền 3.039.264.466 đồng (trong đó: nợ gốc là 2.077.100.000 đồng; lãi trong hạn là 105.166.258 đồng; lãi quá hạn là 805.336.875 đồng; phí là 51.661.333 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 8013116.22 là 2.141.639.156 đồng, trong đó: vốn 1.056.893.837 đồng, lãi trong hạn 21.448.161 đồng, lãi quá hạn 613.570.995 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 8013116(1).22 là 669.734.554 đồng, trong đó: vốn 470.880.000 đồng, lãi trong hạn 7.088.674 đồng, lãi quá hạn 191.765.880 đồng;

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 14/6/2022 (Thẻ tín dụng 526887*****5426) là 227.890.756 đồng, trong đó: vốn 99.600.000 đồng, lãi trong hạn 76.629.423 đồng và phí 51.661.333 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q (Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh A) số tiền nêu trên.

Tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả, lãi thẻ, phí thẻ, phí phạt chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 219, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 225933, số vào sổ cấp GCN: CS13521 do Sở T6 cấp ngày 20/03/2019, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Phương H ngày 24/05/2022. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng: 6335, Quyền số: 11/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh An Giang công chứng ngày 27/05/2022 theo Hợp đồng thế chấp. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1 (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9371467.22.621 ngày 27/05/2022).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Phương H là bà Nguyễn Phương T1 trình bày tại các lần hòa giải: Thống nhất bà H có nợ Ngân hàng số tiền như Ngân hàng trình bày. Yêu cầu được tiếp tục hòa giải, để tạo điều kiện cho bà H thanh toán nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà H, ông T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ là phù hợp với khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 28 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2026 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

- Buộc bà Nguyễn Phương H, ông Huỳnh Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 25/8/2025 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ vốn, lãi.

- Buộc bà Nguyễn Phương H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi và phí tính đến ngày 25/8/2025 theo Thẻ tín dụng mà Ngân hàng cấp cho bà H. Và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ vốn, lãi.

- Trường hợp bà H, ông T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Thanh T2 cùng liên đới với bà H trả tiền vốn, lãi và phí tính đến ngày 25/8/2025 và lãi, phí phát sinh theo Thẻ tín dụng mà Ngân hàng cấp cho bà H.

- Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H là bà Nguyễn Phương T1 có đơn xin hoãn phiên tòa xét xử lần thứ 2 với lý do bà bị bệnh, nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà có bệnh không thể tham gia phiên tòa được; ông T2, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng các đương sự này vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét các Hợp đồng tín dụng số 8013116.22 và 8013116(1).22: Các hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên có thực hiện việc giao, nhận tiền đầy đủ, bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bên vay cũng thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và nợ vốn, lãi như Ngân hàng trình bày.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên V1 yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9371467.22.621 ngày 27/05/2022: Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/09/2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy, việc bà H, ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V1, nên VIB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 14/6/2022 của bà Nguyễn Phương H: Giao dịch được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 14/6/2022 đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên V1 yêu cầu bà H thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi, phí phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, việc ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng không có ông T2 ký tên, VIB không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông T2 có cùng sử dụng chung thẻ hoặc bà H có sử dụng thẻ vì mục đích phục

vụ sinh hoạt gia đình, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận buộc ông T2 cùng liên đới với bà H trả vốn, lãi đối với Hợp đồng này.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Do bà H, ông T2 vi phạm nghĩa vụ nên ông bà phải chịu, V1 đã tạm ứng đủ, bà H, ông T2 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho V1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H phải liên đới chịu án phí đối với số tiền buộc trả của 02 hợp đồng tín dụng là 88.227.000 đồng.

- Bà Nguyễn Phương H phải chịu án phí đối với Thẻ tín dụng là 11.394.000 đồng.

- Với yêu cầu không được chấp nhận một phần về nghĩa vụ liên đới thì Ngân hàng TMCP Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 42.270.000 đồng tiền tạm ứng án phí, Ngân hàng TMCP Q được nhận lại 41.970.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H: Buộc ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 25/8/2025, cụ thể:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 7677992.22 ngày 21/01/2022 là: 1.056.893.837 đồng, trong đó: vốn 750.000.000 đồng, lãi trong hạn 119.928.084 đồng, lãi quá hạn 186.965.753 đồng;

1.2. Hợp đồng tín dụng số 9984992.22 ngày 28/01/2022 là: 4.785.848.903 đồng, trong đó: vốn 3.294.762.000 đồng, lãi trong hạn 497.309.956 đồng, lãi quá hạn 993.776.947 đồng;

1.3. Ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ vốn, lãi.

1.4. Trường hợp ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp số 9371467.22.621 ngày 27/05/2022 để thu hồi vốn, lãi. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 219, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 225933, số vào sổ cấp GCN: CS13521 do Sở T6 cấp ngày 20/03/2019, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Phương H ngày 24/05/2022.

1.5. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Phương H và ông Huỳnh Thanh T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Nguyễn Phương H đối với khoản nợ của Đề nghị phát hành thẻ ngày 21/02/2022:

2.1. Buộc bà Nguyễn Phương H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 25/8/2025 là 170.207.512 đồng, trong đó: vốn 65.090.490 đồng, lãi quá hạn 49.066.839 đồng và phí 56.050.183 đồng.

2.2. Bà Nguyễn Phương H còn phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 14/6/2022 đã ký kết kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ vốn, lãi.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Thanh T2 liên đới với bà Nguyễn Phương H trả cho Ngân hàng TMCP Q khoản nợ của Đề nghị phát hành thẻ ngày 21/02/2022 mà bà H đã ký kết.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 1.000.000 đồng.

5. Về án phí:

- Ông Huỳnh Thanh T2 và bà Nguyễn Phương H phải liên đới chịu 113.842.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Phương H phải chịu 11.394.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 42.270.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số:

0002564 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Nền Ngân hàng TMCP Q được nhận lại 41.970.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV9;
- Phòng THADS KV9;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Quốc Sử

Đặng Thị Mỹ Hương

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T3, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T4, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc P

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi B; Ông Huỳnh Công T5

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh T3 được ly hôn với chị Phan Thị T4: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh T3 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công T5

Ngô Ngọc P